

BÁO CÁO

Đánh giá thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Thực hiện Công văn số 89/UBND-KTTH ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; qua rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, cụ thể như sau:

PHẦN I TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

I. Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

- Cả hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ngãi đang tích cực thực hiện Kết luận của Trung ương Đảng về sắp xếp tinh gọn bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập tỉnh để tạo không gian phát triển mới, cùng với cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc hướng tới Quốc gia hùng cường, giàu mạnh. Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tỉnh Kon Tum sáp nhập với tỉnh Quảng Ngãi lấy tên tỉnh Quảng Ngãi. Trong bối cảnh “vừa chạy vừa xếp hàng” cùng các tỉnh, thành phố trong cả nước, bên cạnh việc nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu, tỉnh Quảng Ngãi cũng nhận diện khó khăn, thách thức, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp thực tiễn. Những nỗ lực và giải pháp hiệu quả đưa tỉnh Quảng Ngãi đạt tăng trưởng mạnh và dẫn đầu cả nước về GRDP trong 6 tháng đầu năm 2025.

- Nền kinh tế tỉnh Quảng Ngãi vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, thu hút đầu tư có nhiều khởi sắc, kết cấu hạ tầng có nhiều tiến bộ và đạt nhiều thành quả đáng khích lệ. Năm 2025 là năm then chốt, năm đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh dự báo tiếp tục phát triển, các dự án đầu tư về nông, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại và du lịch hiện đang được các nhà đầu tư triển khai sẽ phát huy hiệu quả. Cùng với sự phát triển của các dự án đầu tư, nhu cầu khai thác, sử dụng các nguồn lực tài nguyên ngày càng tăng dẫn đến mức độ ô nhiễm môi trường sẽ gia tăng; cùng với đó sự biến đổi khí hậu toàn cầu, các hiện tượng thời tiết cực đoan, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh có chiều hướng diễn biến phức tạp hơn, gây ra những hậu quả, thiệt hại nặng nề,

ng nghiêm trọng, làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, đời sống, sinh hoạt của nhân dân. Do đó, đòi hỏi ngành nông nghiệp và môi trường phải có những bước đi mạnh mẽ, năng động, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phù hợp với tình hình thực tế nhằm phát huy tối đa lợi thế cũng như tiềm năng của tỉnh, quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường đồng thời phải có những ứng phó kịp thời trước mắt, vừa có chiến lược lâu dài để hạn chế tối đa thiệt hại về con người, tài sản và phương tiện sản xuất, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

II. Kết quả đạt được

1. Lĩnh vực Trồng trọt

- Ước thực hiện sản xuất trồng trọt năm 2025

Tổng sản lượng lương thực trong năm 2025 ước đạt 632.110,9 tấn, đạt 100,4% so với kế hoạch và giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

+ Cây lúa: Diện tích gieo trồng 96.639 ha, năng suất bình quân ước đạt 57,2 tạ/ha, sản lượng 552.330 tấn. Năng suất và sản lượng đạt 100,1% và 100,5% so với kế hoạch, nhưng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước (năng suất giảm 0,5%, sản lượng giảm 0,6%).

+ Cây ngô: Diện tích gieo trồng 14.568 ha, năng suất bình quân ước đạt 54,8 tạ/ha, sản lượng 79.780 tấn. Cả năng suất và sản lượng đạt 100% kế hoạch và tăng so với cùng kỳ năm trước (năng suất tăng 1,4%, sản lượng tăng 3,12%).

+ Cây hàng năm khác: Tổng diện tích gieo trồng là 84.188 ha, sản lượng ước đạt 1.332.715 tấn: (1) Cây lạc: Sản lượng ước đạt 15.963,7 tấn (đạt 100% kế hoạch); (2) Cây đậu các loại: Sản lượng ước đạt 7.029,1 tấn (tăng 8,48% so với cùng kỳ năm trước, đạt 100% kế hoạch).

+ Cây công nghiệp lâu năm: Tổng diện tích 114.155,2 ha, bao gồm cà phê 32.219 ha và cao su 81.936,2 ha.

+ Cây mắc ca: Diện tích 4.445,8 ha, sản lượng 480,2 tấn.

Các cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm chủ lực đảm bảo đạt và vượt kế hoạch.

- **Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng cánh đồng lớn:** Ước thực hiện chuyển đổi 279,3 ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác; Xây dựng 278 cánh đồng lớn với tổng diện tích khoảng 4.515,2 ha, tập trung vào cây lúa, lạc, dừa hấu, hành, mè; 37 cánh đồng đạt giá trị sau thu hoạch trên 100 triệu đồng/ha/năm với diện tích 391,3 ha.

- **Quản lý sinh vật gây hại, mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, an toàn thực phẩm:** Tổng diện tích nhiễm sinh vật gây hại là 15.825,2 ha, trong đó đã phòng trừ được 6.602,0 ha. Các loại cây bị nhiễm bao gồm lúa, rau màu, cây công nghiệp và lâm nghiệp.

- **Quản lý và cấp mã số vùng trồng (MSVT), mã số cơ sở đóng gói:** Đã cấp được 68 mã số gồm 66 MSVT¹ và 2 mã số cơ sở đóng gói².

- **Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng trọt hữu cơ, VietGAP:** đã công nhận 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xác định 10 vùng tiềm năng; 07 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khoảng 118,34 ha được chứng nhận VietGAP với sản lượng ước khoảng 1.817 tấn/năm; Tổng diện tích cây trồng ứng dụng công nghệ cao đạt 27.277,2 ha, trong đó hơn 2.000 ha được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng được chứng nhận.

- **Về quản lý chất lượng, phát triển thị trường nông sản:** Tổ chức 11 lớp tập huấn về an toàn thực phẩm (ATTP) nông lâm thủy sản và in 4.000 tờ rơi; Thẩm định định kỳ 40 cơ sở sản xuất kinh doanh nông thủy sản (7 loại A, 32 loại B, 1 loại C); Kiểm tra 32 cơ sở, lấy 23 mẫu kiểm nghiệm ATTP, tất cả 23 mẫu đều đạt yêu cầu; Hỗ trợ 03 đợt xúc tiến thương mại và dự kiến tổng cộng 08 đợt ngoài tỉnh và 02 hội nghị kết nối giao thương trong tỉnh.

- **Quản lý vật tư nông nghiệp:** Thực hiện 01 cuộc kiểm tra đối với 15 tổ chức, cá nhân, phát hiện 01 cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn giấy phép, 01 mẫu phân bón không phù hợp quy chuẩn, 01 mẫu phân bón giả về chất lượng. Tổng số tiền xử phạt là 27.750.000 đồng.

2. Lĩnh vực Chăn nuôi

- **Về phát triển chăn nuôi:** Trên địa bàn tỉnh có 147 cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại³. Nhiều trang trại đã và đang ứng dụng chăn nuôi tuần hoàn, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao. Riêng tỉnh Kon Tum (cũ) đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi cho 14 trang trại lợn quy mô lớn.

- **Số lượng đàn vật nuôi (ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025):** Đàn trâu: 91.151 con; Đàn bò: 369.099 con; Đàn lợn: 576.894 con.

- **Quản lý môi trường chăn nuôi:** Đã hướng dẫn, tuyên truyền và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Đa phần các trang trại có xây dựng và vận hành hầm chứa nước thải hiệu quả.

- **Công tác phòng, chống dịch bệnh:** Tham mưu Sở, trình UBND tỉnh ban hành các Văn bản chỉ đạo về công tác phòng, chống dịch bệnh. Phối hợp địa phương xử lý kịp thời ổ dịch, không gây thiệt hại kinh tế. Triển khai biện pháp cấp bách (khoanh vùng, cách ly, khử trùng tiêu độc), theo dõi, giám sát.

- **Tình hình dịch bệnh (6 tháng đầu năm 2025):**

¹ Gồm: 31 mã cho tiêu thụ nội địa (118,64 ha) và 35 mã cho xuất khẩu (601,39 ha), chủ yếu là sầu riêng, chuối, mít, chanh dây, dứa. 5 vùng trồng dưa hấu đang chờ phê duyệt từ Trung Quốc.

² Cụ thể: 1 cho chuối và 1 cho chanh leo.

³ Cụ thể: 36 cơ sở chăn nuôi gà (04 trại gia công cho công ty CP, 02 cơ sở nuôi vịt, 30 cơ sở của tư nhân/Tổ hợp tác); 109 cơ sở chăn nuôi lợn (21 trại gia công, 88 cơ sở của hộ dân); 01 cơ sở chăn nuôi dê; 01 cơ sở chăn nuôi bò. * Tính đến 01/01/2025, tỉnh Quảng Ngãi có 247 trang trại chăn nuôi (100 ở Quảng Ngãi, 147 ở Kon Tum), bao gồm 01 trang trại bò sữa của Vinamilk với 3.669 con

+ Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP): Xảy ra tại 6 hộ, 4 thôn, 3 xã của 2 huyện tỉnh Quảng Ngãi, tổng số 64 con lợn tiêu hủy bắt buộc, khối lượng 4.253 kg. Đến 30/6/2025, tất cả ổ dịch đã qua 21 ngày. Giảm so với năm 2024 (277 con, 15.740 kg);

+ Bệnh Viêm da nổi cục trâu bò (VDNC): Xảy ra tại 67 hộ, 43 thôn của 25 xã, 07 huyện tỉnh Quảng Ngãi, tổng số 75 con bò mắc bệnh, 28 con chết, khối lượng tiêu hủy 3.091 kg. Đến 30/6/2025, tất cả ổ dịch đã qua 21 ngày. Số con bị bệnh giảm so với năm 2024 (146 mắc, 59 chết/6.510 kg).

+ Bệnh Lở mồm long móng gia súc (LMLM): Xảy ra tại 02 xã thuộc huyện Đăk Glei Xốp tỉnh Kon Tum, làm 75 con trâu bò mắc bệnh (11 trâu, 64 bò). Đến nay, số trâu bò này đã khỏi triệu chứng.

+ Bệnh Cúm gia cầm, Tai xanh ở lợn, dịch bệnh thủy sản: Không xảy ra.

+ Các bệnh thông thường (THT, DT, PTH, tiêu chảy) xảy ra rải rác, đã được dập tắt.

- **Công tác lấy mẫu giám sát:** (1) Giám sát bị động tại Quảng Ngãi: Lấy 5 mẫu bị động ở lợn bệnh tại một số xã trên địa bàn tỉnh, kết quả 5/5 mẫu dương tính với vi rút DTLCP. (2) Giám sát chủ động tại Kon Tum (cũ): Ngày 12-13/6/2025, lấy tổng số 21 mẫu gộp swab hầu họng trên gà, vịt tại chợ/điểm kinh doanh gia cầm sống. Kết quả (17/6/2025): 01/21 mẫu dương tính với vi rút Cúm gia cầm type A serotype H5N1; 20 mẫu còn lại âm tính.

- **Công tác tiêm phòng (6 tháng đầu năm 2025):** tổng số liều: 970.577 liều⁴; So với cùng kỳ 2024: Tỷ lệ tiêm phòng tăng 12% với Cúm gia cầm; giảm 9% với LMLM; tăng 10% với VDNC.

- **Công tác kiểm soát giết mổ:** Số lượng gia súc, gia cầm được kiểm soát giết mổ 6 tháng đầu năm 2025: 2.383 con trâu, bò, 36.985 con lợn, và 18.510 con gia cầm.

3. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2025:

+ Trồng rừng tập trung: Kế hoạch: 33.097,47 ha (trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng: 639,36 ha; rừng sản xuất: 32.458,11 ha). Kết quả đến thời điểm báo cáo: Ước khoảng 11.500 ha, đạt 34% kế hoạch, tăng 1,05% so với cùng kỳ năm 2024. Dự báo đến hết 31/12/2025: Đạt 100% kế hoạch với 33.097,47 ha.

+ Khoanh nuôi tái sinh rừng: Kế hoạch: 754 ha. Kết quả: 72 ha (khoanh nuôi chuyên tiếp).

+ Khai thác gỗ: Kế hoạch: 2.589.902,66 m³ (gỗ rừng trồng: 2.584.947,11 m³; gỗ rừng tự nhiên: 4.955,55 m³). Kết quả: 1.183.027 m³, đạt 46% kế hoạch (gỗ rừng trồng: 1.178.072 m³; tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên: 4.955 m³).

⁴ Vắc xin Cúm gia cầm: 752.950 liều/637.250 con; Vắc xin LMLM: 118.775 liều/118.775 con; Vắc xin VDNC: 58.805 liều; Vắc xin Tụ huyết trùng: 7.900 liều/77.900 con; Vắc xin Dịch tả lợn cổ điển: 22.385 liều/22.385 con; Vắc xin Đại (dân tự mua): 1.762 liều/1.762 con; Vắc xin DTLCP: 8.000 liều/8.000 con.

Tăng 1,02% so với cùng kỳ năm 2024.

+ Trồng Dược liệu dưới tán rừng (Sâm Ngọc Linh): Kế hoạch: 1.578 ha. Kết quả đến thời điểm báo cáo (*chưa vào vụ chính*): > 3 ha, đạt 0,1% kế hoạch. Dự báo đến hết 31/12/2025: Trồng mới 1.000 ha, đạt 63,3% kế hoạch. Đáng chú ý là diện tích trồng Sâm Ngọc Linh dự báo tăng 200% so với năm 2024.

+ Một số chỉ tiêu khác: Trồng cây phân tán: 659.830 cây. Khoán bảo vệ rừng: 199.684,66 ha.

- **Tỷ lệ che phủ rừng:** Đến hết năm 2025 ước đạt 59,45%.

- **Tốc độ tăng trưởng** của ngành lâm nghiệp ước đạt 4,5%; Trồng rừng tăng 23,8% so với cùng kỳ năm trước, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế. Sản lượng gỗ khai thác tăng 0,7%; Ngành lâm nghiệp đã chuyển dịch cơ cấu từ khai thác gỗ và lâm sản sang trồng rừng và dịch vụ môi trường rừng; Diện tích rừng sản xuất được quản lý theo phương án rừng bền vững là 183.943,66 ha.

- **Công tác phát hiện và xử lý vi phạm:** Tổng số vụ vi phạm phát hiện đến 30/6/2025: 77 vụ (tồn đầu kỳ: 06 vụ); Số vụ đã xử lý: 34 vụ; số vụ chưa xử lý: 34 vụ; Tổng tang vật tịch thu: 228,08 m³ gỗ tròn, quy tròn các loại; Tổng tiền bán tang vật, phương tiện vi phạm: 229,25 triệu đồng.

4. Tình hình thực hiện phát triển kinh tế biển và xây dựng nông thôn mới

a) Kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh trật tự, an toàn xã hội

- **Về khai thác thủy sản:** Sản lượng khai thác biển năm 2025 ước đạt 280.024 tấn, tăng 1.764 tấn so với năm 2024, đạt 105,7% kế hoạch năm 2025; Tổng số lượng tàu thuyền đăng ký, cập nhật vào hệ thống VNFishbase ước đạt 4.910 chiếc (giảm 18 chiếc so với 2024), với tổng công suất 1,83 triệu CV. Cụ thể, có 1.069 chiếc dài 6m đến dưới 12m, 812 chiếc dài 12m đến dưới 15m, 2.869 chiếc dài 15m đến dưới 24m, và 160 chiếc dài 24m trở lên.

- **Về nuôi trồng thủy sản:** Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2025 ước đạt 2.590 ha (giảm 130 ha so với 2024), đạt 97,59% kế hoạch năm 2025. Trong đó, diện tích tôm nuôi ước đạt 276 ha, đạt 98,22% kế hoạch; Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2025 ước đạt 17.749 tấn (tăng 2.073 tấn so với 2024), đạt 100% kế hoạch năm. Trong đó, sản lượng tôm nuôi ước đạt 4.409 tấn, đạt 90% kế hoạch năm. Dù diện tích giảm, sản lượng và năng suất nuôi tăng nhờ người nuôi đầu tư, chuyển đổi cơ cấu đối tượng nuôi (tôm sang ốc hương), áp dụng mô hình nuôi ghép hạn chế dịch bệnh, và tăng nuôi lồng bè nước mặn (cá bóp, cá bè vầu, hàu Thái Bình Dương...) và nước ngọt trên sông, hồ chứa.

- **Công tác quản lý tàu cá:** Đã cấp 702 Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (gồm 141 cải hoán, 268 sang tên, 286 tàu "03 không"), 146 Văn bản chấp thuận, 115 Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, và thẩm định cấp Giấy chứng nhận cơ

sở đủ điều kiện ATTP cho 368 cơ sở tàu cá. Tỉnh có 10 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.

- **Công tác đăng kiểm tàu cá:** Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 2.043 tàu cá (đạt 72,96% kế hoạch năm) và thẩm định 320 bộ hồ sơ thiết kế cải hoán tàu cá (đạt 160,00% kế hoạch năm).

- **Quản lý khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản:** Tổ chức thả tái tạo 1.555.000 con giống thủy sản tại Cửa Lở (Mộ Đức), Đàm An Khê (Đức Phổ), hồ Đăkđrinh (Sơn Tây) và 46.500 con cá giống tại Kon Tum. Chuyển 27 hạn ngạch GPKTTTS vùng khơi đến các tỉnh và tiếp nhận 39 hạn ngạch từ các tỉnh khác. Cấp 947 Giấy phép khai thác thủy sản. Đến tháng 6/2025, 2.962/3.032 tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS), đạt tỷ lệ 97,69%. 100% tàu hoạt động trên biển đã lắp đặt VMS, còn 70 tàu (2,31%) chưa lắp do nằm bờ, không hoạt động.

- **Công tác kiểm ngư, chống khai thác IUU:** Tổ chức 01 lớp tuyên truyền IUU với gần 150 người tham dự. Tổ chức 02 đợt kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra 36 tàu cá không phát hiện vi phạm. Mời làm việc 404 chủ tàu/thuyền trưởng bị mất kết nối VMS. Tham mưu xử lý 01 vi phạm hành chính với số tiền 30.000.000 đồng.

- **Về hỗ trợ ngư dân:** Tiếp nhận 102 đơn đăng ký và 95 đơn xóa đăng ký tàu cá khai thác xa bờ; tiếp nhận 4.000 hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí nhiên liệu, bảo hiểm thân tàu và thuyền viên.

b) Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Đến 30/6/2025: tỉnh Quảng Ngãi⁵ có 03 huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và Mộ Đức được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM, có 149/229 xã đạt chuẩn NTM (đạt tỷ lệ 65,06%), 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

5. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, khai thác và sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, ...

- Quản lý tài nguyên: đất đai, khoáng sản và tài nguyên nước

+ Quản lý đất đai: Kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đất đai; quyết định giao đất, cho thuê đất đối với các dự án. Trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất; bổ sung kế

⁵ Trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 03 huyện đạt chuẩn NTM, có 98 xã đạt chuẩn NTM; 12 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; tỉnh Kon Tum (cũ): có 51 xã đạt chuẩn NTM; 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

hoạch sử dụng đất trong năm đáp ứng yêu cầu đầu tư, xây dựng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo quy định của pháp luật về đất đai. Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương;

+ Công tác quản lý khoáng sản, đối với cát sỏi trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực; công tác quy hoạch khoáng sản của tỉnh được bổ sung kịp thời, đúng luật định. Công tác tham mưu cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản và công tác cấp phép khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy hoạch, trình tự và thủ tục đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật Khoáng sản; kịp thời cung cấp nguồn vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công các công trình, dự án và nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt cơ bản đã đảm bảo nguồn vật liệu XD thông thường cung cấp cho các dự án trọng tâm của tỉnh;

+ Về quản lý tài nguyên nước: tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Luật tài nguyên nước năm 2023 tại Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 2080/KH-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi); Thường xuyên giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước qua Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Tham mưu UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ: khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; Điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt nội tỉnh; Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

+ Kiểm soát ô nhiễm tại nguồn: Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, tăng cường kiểm tra việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và quy định pháp luật về kiểm soát xả thải hóa chất độc hại.

+ Quan trắc môi trường: Triển khai quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh để theo dõi, đánh giá nguồn thải và các thành phần môi trường, làm cơ sở đề xuất biện pháp kiểm soát ô nhiễm. Hiện có 09 doanh nghiệp với 32 trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục (trong đó có 1 trạm đang truyền thử nghiệm) đã kết nối và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Ngoài ra, đang phối hợp với 20 đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ) để kết nối, truyền dữ liệu đối với 23 trạm quan trắc tự động, liên tục.

+ Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định ĐTM và giấy phép môi trường của các dự án đầu tư; đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải gây ô nhiễm.

+ Kiểm tra bảo vệ môi trường: Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra

việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2025. Tổ chức giám sát thực hiện các nội dung theo giấy phép môi trường đã cấp.

+ Bảo tồn đa dạng sinh học: Triển khai hiệu quả Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Trong năm 2025, đã phối hợp cứu hộ và thả 01 cá thể Rùa biển về đại dương; thả 35 cá thể cua huỳnh đế mang trứng với tổng trọng lượng 8,1kg về phân khu phục hồi sinh thái. Tổ chức điều tra sự phân bố, đánh giá trữ lượng và đề xuất giải pháp quản lý nguồn lợi rong bồng bồng. Thu gom được 51 kg rác thải đại dương từ 03 điểm rạn san hô (Trố Hòn, Bãi Lãng, Rạn Gò An Vĩnh) và tổ chức ra quân làm sạch 0,5 km bãi biển tại Bãi Tây An Bình. Phối hợp với Trung tâm Green Việt tổ chức 04 đợt thực địa điều tra tại các khu rừng tiềm năng thuộc một số xã miền núi. Kết quả trên 53 tuyến khảo sát với tổng 408,4 km đã ghi nhận 18 đàn Chà vá chân xám với tổng cộng 90 cá thể.

- Công tác ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình hình hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn, nước biển dâng

+ Kịp thời tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng, giải quyết kiến nghị của cử tri và phản ánh báo chí; đồng thời, tham mưu giải quyết các vấn đề môi trường phức tạp liên quan đến khai thác cát sỏi trái phép, trang trại chăn nuôi trái phép, ô nhiễm tại nhà máy sản xuất viên nén năng lượng, và các dự án lớn như đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, Khu Kinh tế Dung Quất của Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất, Nhà máy Bột - giấy VNT19.

+ Công tác thủy lợi và cấp nước sạch nông thôn: toàn tỉnh có 1433 công trình thủy lợi được đưa vào quản lý, khai thác để cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Có 854 công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

+ Về công tác cấp nước tưới tiêu: hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm cấp nước tưới chủ động đạt 100% theo kế hoạch tưới được UBND tỉnh giao (100.015,0 ha); phần lớn diện tích tưới trên được tưới bởi công trình thủy lợi có tần suất đảm bảo tưới thiết kế 75%. Hạ tầng thủy lợi từng bước được đầu tư kiên cố nên tăng mức ổn định cấp nước, giảm tổn thất, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp, tăng cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, cụ thể: Ước 06 tháng đầu năm 2025, cấp nước thô cho sinh hoạt, công nghiệp đạt khoảng 6,34 triệu m³/năm (đạt khoảng 38,2% so với kế hoạch năm 2025 là 14,6 triệu m³/năm); nguồn thu từ cấp nước cho phát điện đạt khoảng 5,43 tỷ đồng (đạt khoảng 45,6% so với kế hoạch năm 2025 là 11,9 tỷ đồng). Ngoài ra, các hồ chứa nước thủy lợi được đầu tư kiên cố, tích trữ nước ổn định đã tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ, đa dạng mục tiêu quản lý, khai thác công trình;

+ Về giải quyết nguồn nước cho các vùng khó khăn, khan hiếm nguồn nước và đặc khu Lý Sơn: Tận dụng tối đa nguồn nước mặt, nước ngầm, nước

hồi quy để trữ vào các ao, hồ, kênh chìm, kênh tiêu, ...; khoan giếng tầng sâu thay thế nguồn nước từ tầng nông; đắp đập tạm, đập bồi, bờ ngăn trên các sông, suối để tưới bằng biện pháp bơm tát phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, nông nghiệp và công nghiệp.

+ Về đề điều, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển: Toàn tỉnh có 77.192 m đê gồm (63.992 m đê làm nhiệm vụ ngăn nước biển, ngăn mặn; 13.200 m đê làm nhiệm vụ phòng, chống lũ trên sông); 93.240 m kè bảo vệ bờ và 4.127,7m mỏ hàn. Cơ bản chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng lòng sông, xói lở bờ sông, bờ biển; cơ bản đáp ứng an toàn trước các tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước gây ra cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất.

6. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

- Công tác giảm nghèo

Theo kế hoạch đến cuối năm 2025 (trên cơ sở kế hoạch của 02 tỉnh Quảng Ngãi cũ và Kon Tum cũ) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi mới giảm từ 4,27% xuống còn 1,86%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi giảm từ 8,04% xuống còn 2,51%, tỷ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng giảm từ 1,69% xuống còn 1,37%. Ước thực hiện năm 2025 đạt chỉ tiêu so với kế hoạch.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025 toàn tỉnh Quảng Ngãi mới (trên cơ sở số liệu của 02 tỉnh Quảng Ngãi cũ và tỉnh Kon Tum cũ) thời điểm cuối năm 2024 còn 4,27%. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi 8,04%, tỷ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng 1,69%.

- Công tác Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn: Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ các Chương trình, Đề án, Nghị quyết của Trung ương về lĩnh vực phòng, chống thiên tai; Tham mưu kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy chỉ huy, phòng, chống thiên tai ở các cấp, các ngành theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự; Quản lý, vận hành các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh (99 trạm đo mưa tự động, 11 trạm đo mực nước tự động, 04 trạm cảnh báo ngập sâu tại các trăn ngầm và 02 tháp báo lũ); tiếp tục rà soát, mua sắm, lắp đặt các trạm khí tượng, thủy văn chuyên dùng theo nhu cầu thực tế; Tham mưu ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; Phương án Ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2026 phù hợp với đặc điểm, tình hình tỉnh (mới); Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai cho cán bộ phụ trách công tác phòng, chống thiên tai tại cấp xã, thôn, thành viên Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã và cộng đồng.

7. Công tác Khuyến nông

Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm thâm canh gắn liền với tiêu thụ sản phẩm; Thực hiện Dự án xây dựng mô hình sản xuất ngô làm thức ăn chăn nuôi tại các tỉnh Tây nguyên

năm 2025. Tiếp tục triển khai Kế hoạch Cải tiến nâng cao tầm vóc đàn trâu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch Hỗ trợ đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng để sản xuất hàng hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025. Bên cạnh đó, phối hợp, giúp đỡ người dân thôn Long năng, xã Ngọc Linh chăm sóc vườn ươm cà phê xứ lạnh, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp năm 2025. Đồng thời, nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình Khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ). Ngoài ra, tiếp tục thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm dược liệu đẳng sâm trên địa bàn xã Ngọc Linh và xã Măng Ri giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm: Trong năm 2025, ngành Nông nghiệp và Môi trường đã có nhiều nỗ lực và đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần ổn định phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Nông nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đảm bảo an ninh lương thực. Các cây trồng chủ lực như lúa, ngô, cây ăn quả đạt năng suất và sản lượng tốt. Chăn nuôi phát triển theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát hiệu quả các dịch bệnh truyền nhiễm.

- Hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản có nhiều khởi sắc, góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ngày càng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng nông sản và giảm thiểu rủi ro từ thiên tai.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai hiệu quả, góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tiếp tục được rà soát, bổ sung và hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý. Công tác kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt được tăng cường. Nhiều dự án xử lý nước thải, rác thải được đầu tư và đưa vào vận hành. Các chương trình tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong việc gìn giữ môi trường sống.

2. Tồn tại, hạn chế

- Chức năng, nhiệm vụ được giao cho Ngành Nông nghiệp và môi trường quản lý rất rộng về nhiều lĩnh vực: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; chất thải rắn; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo; nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; đối tượng phục vụ chính là: nông dân, chiếm trên 70% dân số

của tỉnh. Ngành Nông nghiệp và Môi trường hiện nay có nhiều đầu mối quản lý và các đơn vị trực thuộc Sở.

- Xây dựng nông thôn mới năm 2025 (theo kế hoạch của 02 tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum):

+ Cấp huyện: Theo kế hoạch có 01 huyện⁶ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; ước thực hiện năm 2025 không thể tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch.

+ Cấp xã: Theo kế hoạch có 14 xã⁷ đạt chuẩn nông thôn mới; ước thực hiện năm 2025 không đạt chỉ tiêu so với kế hoạch. Theo kế hoạch có 22 xã⁸ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ước thực hiện năm 2025 không đạt so với kế hoạch.

- Về giảm nghèo: Vốn sự nghiệp năm 2025 Trung ương phân bổ chưa kịp thời (Trung ương phân bổ tháng 3, tỉnh phân bổ tháng 5) do vậy việc triển khai thực hiện tại các cấp và các sở, ngành chậm. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp, tổ chức thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp đã gây sự lúng túng trong tổ chức thực hiện cả về nội dung các hoạt động và kinh phí thực hiện.

- Là một ngành kinh tế - kỹ thuật gắn liền với tự nhiên, chịu sự ảnh hưởng, tác động trực tiếp, rủi ro rất lớn bởi thiên nhiên: Lũ lụt, bão tố, hạn hán, dịch bệnh gia súc, gia cầm; sâu, bệnh gây hại mùa màng; đánh bắt thủy sản trên biển thường gặp rủi ro và luôn bị đe dọa của nước ngoài ... làm tác động và hạn chế đến thành quả lao động và tốc độ phát triển của Ngành.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất còn hạn chế, vốn đầu tư cho nông nghiệp còn rất thấp, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết; quy mô sản xuất nông lâm thủy sản còn nhỏ, lẻ, phân tán, thiếu tập trung, sản phẩm hàng hoá đa chủng loại nhưng giá trị thấp, tính cạnh tranh thị trường thấp, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển Ngành và dẫn đến đời sống vật chất, tinh thần của nông dân chưa cao, nhất là nông dân và đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại ở một số nước; biến đổi khí hậu, thiên tai, nhất là hậu quả của cơn bão số 9 (năm 2020); những bất cập trong các quy định của pháp luật chưa được kịp thời sửa đổi; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, ... đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị đề ra.

Thực hiện Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (không còn đơn vị hành chính cấp huyện);

⁶ Thị xã Đức Phổ.

⁷ Trong đó: Tỉnh Quảng Ngãi (cũ) 6 xã, tỉnh Kon Tum (cũ) 8 xã.

⁸ Trong đó: Tỉnh Quảng Ngãi (cũ) 13 xã, tỉnh Kon Tum (cũ) 9 xã.

Đồng thời, theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 1005/BNMT-PC ngày 11/4/2025 “Sau ngày 30/4/2025 dừng thực hiện việc xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”.

Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu: Thực hiện Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, qua rà soát nguyên tắc, xác định mức độ đạt chuẩn của xã sau sáp nhập, một số xã đã đạt NTM mới sáp nhập với xã chưa đạt chuẩn NTM, xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao sáp nhập xã chưa đạt chuẩn NTM nâng cao,... vì vậy, chưa đủ cơ sở công nhận những xã mới (theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15) đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực dự báo và giải quyết những khó khăn, vướng mắc còn hạn chế. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu; sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có việc thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, có trường hợp còn đùn đẩy trách nhiệm; có tình trạng e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước. Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thực hiện tốt trách nhiệm công vụ; chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Một bộ phận người dân vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Bám sát chủ trương của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và tình hình thực tiễn để cụ thể hóa, tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra với tư duy mới, cách làm mới, bảo đảm khoa học, có trọng tâm, trọng điểm, rõ trách nhiệm, có lộ trình phù hợp; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và bảo đảm vai trò quyết định của cấp ủy và người đứng đầu.

2. Gắn kết giữa phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường: Phát triển nông nghiệp bền vững cần áp dụng các mô hình canh tác hữu cơ, tuần hoàn, tiết kiệm nước và giảm sử dụng hóa chất độc hại; Không thể tách rời giữa tăng trưởng nông nghiệp với bảo vệ môi trường. Việc chạy theo sản lượng mà bỏ qua các yếu tố sinh thái dẫn đến suy thoái đất, ô nhiễm nguồn nước và mất cân bằng hệ sinh thái.

3. Phát huy vai trò của cộng đồng và người dân địa phương: Cần khuyến khích mô hình nông dân chủ động sản xuất xanh, tạo cơ chế khuyến khích (hỗ trợ kỹ thuật, tài chính) để người dân gắn bó lâu dài; Các chương trình môi trường và nông nghiệp nếu không có sự tham gia của người dân sẽ thiếu tính thực tiễn và hiệu quả kém.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Việc áp dụng công nghệ còn chậm, thiếu đồng bộ, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp và giám sát

môi trường, gây lãng phí tài nguyên và hiệu quả thấp; Cần đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và đẩy mạnh chuyển đổi số nông nghiệp, sử dụng công nghệ GIS, IoT, AI trong quản lý môi trường và dự báo thiên tai.

5. **Phối hợp hiệu quả giữa các cấp, các ngành:** Công tác chỉ đạo điều hành có sự phối hợp nhịp nhàng giữa HĐND, UBND, các sở, ngành và địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm cá nhân rõ ràng giúp nâng cao năng lực triển khai. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách rõ ràng, kịp thời, minh bạch đã góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin vào chính quyền, nhất là trong cải cách hành chính và triển khai các chương trình, dự án.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

I. Bối cảnh kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2026

1. Đánh giá mặt thuận lợi: nền kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, tỉ giá và thất nghiệp ở mức thấp; Cải cách hành chính thực hiện mạnh mẽ, đơn giản hoá thủ tục hành chính, sắp xếp bộ máy, thúc đẩy kinh tế tư nhân; Đầu tư công và chuyển đổi số được chú trọng, chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, phát triển hạ tầng, số hóa quốc gia.

2. Thách thức và rủi ro: Yêu cầu tăng trưởng hai con số ngay trong năm 2026 gây áp lực giải ngân đầu tư, cải cách thể chế bắt buộc để đạt mục tiêu này; Già hóa dân số, năng suất lao động chưa cao, trình độ lao động cần nâng cao để thích ứng khoa học và công nghệ. Mất cân bằng vùng miền, bất bình đẳng xã hội, khoảng cách giàu nghèo, khu vực miền núi, dân tộc thiểu số vẫn là vấn đề lớn. Về môi trường và khí hậu vẫn là một thách thức lớn, biến đổi khí hậu nghiêm trọng, rủi ro thiên tai, xâm nhập mặn cũng gia tăng; Ô nhiễm không khí - nước ở mức độ tăng cao, đặc biệt ở đô thị và khu công nghiệp; ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, phát triển năng lượng tái tạo được quan tâm nhưng cơ chế hỗ trợ, lưới điện thông minh còn hạn chế.

3. Dự báo: Nhìn chung, năm 2026 là năm bản lề - năm đầu tiên của kỳ phát triển 5 năm (2026-2030) và năm đặt mục tiêu tăng trưởng hai con số. Đòi hỏi phải xây dựng kế hoạch với tư duy đột phá, dựa trên nền tảng vĩ mô ổn định, đổi mới thể chế và sáng tạo, đồng thời chuẩn bị tốt kịch bản ứng phó với những biến động quốc tế, khí hậu và nội lực xã hội.

Bối cảnh năm 2026 là thời điểm “bứt phá” của ngành nông nghiệp - môi trường: được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế toàn diện, hội nhập sâu rộng, đổi mới thể chế mạnh mẽ... Tuy nhiên, phía trước vẫn còn nhiều khó khăn, rủi ro như áp lực tăng trưởng cao, biến đổi khí hậu, cạnh tranh quốc tế... để đạt được

mục tiêu kép: tốc độ tăng trưởng cao - chất lượng bền vững - thích ứng môi trường.

II. Mục tiêu tổng quát

1. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại, hiệu quả và bền vững:

- Xây dựng nền nông nghiệp xanh, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh;
- Thúc đẩy nông lâm thủy sản gắn kết chuỗi hàng hóa đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, nâng cao năng suất - chất lượng - sức cạnh tranh;
- Đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng;
- Tăng thu nhập, cải thiện đời sống, tạo việc làm chuyển đổi đa ngành ngoài nông nghiệp, góp phần giảm nghèo bền vững ở nông thôn.

2. Quản lý và sử dụng tài nguyên - bảo vệ môi trường - thích ứng biến đổi khí hậu

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực thiên nhiên, tài nguyên, đất đai, khoáng sản; bảo vệ môi trường, bảo toàn đa dạng sinh học;
- Kiểm soát ô nhiễm, phục hồi hệ sinh thái, xây dựng nền kinh tế xanh giảm phát thải khí nhà kính;
- Chủ động thích nghi với biến đổi khí hậu, tăng cường ứng phó và giảm rủi ro thiên tai.

III. Mục tiêu chủ yếu: Chi tiết theo Phụ lục gửi kèm

IV. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu

1. Theo dõi sát sao diễn biến thời tiết, chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai (hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn) và các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu để bảo vệ sản xuất.

2. Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu đạt năng suất, chất lượng cao; đảm bảo diện tích gieo trồng và sản lượng theo kế hoạch.

3. Kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi, đặc biệt là các bệnh nguy hiểm như cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng. Triển khai tiêm phòng vắc xin đầy đủ và hiệu quả.

4. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu và nhu cầu thị trường. Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, và nông nghiệp thông minh để nâng cao chất lượng và giảm thiểu tác động môi trường.

5. Quản lý tốt mùa vụ khai thác, khuyến khích khai thác bền vững. Kiểm soát nguồn lợi, phát triển nuôi trồng thủy sản an toàn, hiệu quả.

6. Tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản.

7. Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại nông sản, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tăng cường kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng.

8. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới ở các xã đã đạt chuẩn và phấn đấu xây dựng các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, phục vụ phát triển sản xuất và đời sống dân sinh.

9. Hoàn thiện và triển khai hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với định hướng phát triển và bảo vệ môi trường.

10. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đặc biệt là các trường hợp tồn đọng.

11. Giải quyết dứt điểm các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân và ổn định tình hình an ninh trật tự. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích, không hiệu quả.

12. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật. Kiên quyết xử lý các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, không đúng quy hoạch, gây thất thoát tài nguyên và ảnh hưởng đến môi trường.

13. Tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất và định kỳ các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, công khai thông tin vi phạm theo quy định.

14. Đôn đốc các dự án, cơ sở sản xuất hoàn thành việc xây dựng và vận hành hệ thống xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

15. Tăng cường các giải pháp kiểm soát ô nhiễm không khí, nước và đất tại các khu vực trọng điểm, đô thị và làng nghề. Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

16. Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ rừng, hệ sinh thái tự nhiên và các loài động vật, thực vật quý hiếm.

17. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến mọi tầng lớp nhân dân thông qua nhiều hình thức đa dạng, dễ hiểu.

Trên đây là nội dung xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/cáo);
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC_(L).

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương